

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ -ST
Ngày: 18 - 3 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Loan.
2. Bà Trần Thị Thù Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2022/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Xuân N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Bát S, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 02 năm 2022, bản tự khai ngày 22 tháng 02 năm 2022, chị Nguyễn Thị S trình bày:

Chị Nguyễn Thị S và anh Bùi Xuân N tự nguyện tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên đồng ý, sống chung với nhau và đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 12 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, thời gian đầu giữa Chị Nguyễn Thị S và anh Bùi Xuân N chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không tôn trọng lẫn nhau. Chị Nguyễn Thị S và anh Bùi Xuân N đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, không còn cách nào để hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên chị Nguyễn Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Bùi Xuân N.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Bùi Xuân N có 01 người con chung tên Bùi Thị Trà M, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2013. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị S yêu cầu Tòa án giao cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị về việc yêu cầu ly hôn vắng mặt ngày 08 tháng 02 năm 2022, anh Bùi Xuân N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Xuân N thống nhất với phần trình bày của chị Nguyễn Thị S về thời gian tìm hiểu và thời gian chung sống. Sau khi kết hôn, chị S và anh N chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn. Hiện tại, anh N và chị S không còn sống chung với nhau và đã ly thân từ năm 2014. Trước yêu cầu xin ly hôn của chị S thì anh N đồng ý. Tuy nhiên do sức khỏe không đảm bảo và bận công việc nên anh N yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Anh Bùi Xuân N thống nhất giữa chị Nguyễn Thị S và anh Bùi Xuân N có 01 người con chung tên Bùi Thị Trà M, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2013. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh N yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Bùi Xuân N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị S có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Bùi Xuân N. Anh Bùi Xuân N là bị đơn đang cư trú tại Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, tuy nhiên giữa anh N và chị S có bản thoả thuận lựa chọn toà án giải quyết ly hôn và thống nhất đề nghị Toà án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình là nơi chị S cư trú để giải quyết ly hôn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị S và anh Bùi Xuân N cùng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Bùi Xuân N tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 12 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Sau khi kết hôn, thời gian đầu chị S và anh N chung sống với nhau hạnh phúc. Khoảng năm 2014, giữa chị S và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai người cũng không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm. Hiện tại, chị Sáu không còn sống chung với anh N và xác định không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tại đơn đề nghị về việc yêu cầu ly hôn vắng mặt ngày 08 tháng 02 năm 2022, anh Bùi Xuân N đồng ý ly hôn. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị S và anh N là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh N là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh Bùi Xuân N và chị Nguyễn Thị S có 01 người con chung tên Bùi Thị Trà M, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2013. Khi ly hôn anh N đồng ý giao con chung cho chị S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Bùi Thị Trà M, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Bùi Xuân N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S đối với anh Bùi Xuân N về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Bùi Xuân N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Thị Trà M, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị S và anh Bùi Xuân N đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Bùi Xuân N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị S phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0003206 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bô Trách, tỉnh Quảng Bình.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Phú Quảng****THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ****THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Quảng

